

DANH MỤC VẬT LIỆU & TRANG THIẾT BỊ CỦA CĂN HỘ HABITAT GIAI ĐOẠN 3
LIST OF MATERIAL AND EQUIPMENT OF APARTMENT OF HABITAT PHASE 3

Date: _____

Hạng mục/ <i>Items</i>	Vật Liệu/Mô tả <i>Material/Descriptions</i>	Thương hiệu/ <i>Brand</i>
LỐI VÀO/ <i>ENTRANCE</i>		
Cửa chính <i>Main door</i>	Cửa gỗ công nghiệp MDF chống cháy, hoàn thiện bằng laminate <i>Laminated fire-rated MDF door</i>	Vật liệu laminate: Aica Phụ kiện cửa: Yale <i>Laminated material: Aica</i> <i>Door's ironmongery: Yale</i>
Khóa từ cửa chính (chỉ cho tháp D1, D2, D3) <i>Digital lock for main door</i> (only for tower D1, D2, D3)	Khóa từ với chức năng cơ bản <i>Digital lock with basic function</i>	Kadaas
Sàn <i>Floor</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tile</i>	Thiên Tú
Ốp chân tường <i>Skirting</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tile</i>	Thiên Tú
Tường <i>Wall</i>	Trát vữa và sơn hoàn thiện <i>Plaster and paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Trần <i>Ceiling</i>	Sơn hoàn thiện <i>Paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Hệ thống cấp điện <i>Power supply system</i>	Cung cấp tủ điện tổng, công tắc, ổ cắm, đường dây và vị trí chờ để kết nối. <i>LV distribution Board, switch, socket, connection point provided.</i>	Tủ điện căn hộ: vỏ tủ điện thương hiệu Vietstar , CB căn hộ thương hiệu Schneider <i>Apartment electrical cabinet: Vietstar brand</i> <i>electrical cabinet, Schneider brand apartment</i> <i>circuit breaker</i>
Hệ thống liên lạc nội bộ <i>Intercommunication system</i>	Hệ thống điện thoại gọi cửa cho căn hộ <i>Audio intercom for apartment</i>	Aiphone
PHÒNG KHÁCH/ <i>LIVING ROOM</i>		
Cửa đi ra lô gia từ phòng khách (nếu có), tùy theo thiết kế từng căn hộ. <i>Door at living room to loggia (if any), as designed of each apartment.</i>	Cửa trượt nhôm kính <i>Aluminum-framed sliding glazing door</i>	BM Windows

Hạng mục/ <i>Items</i>	Vật Liệu/Mô tả <i>Material/Descriptions</i>	Thương hiệu/ <i>Brand</i>
Vách kính có cửa sổ đối với căn không có lô gia. <i>Façade glass wall with windows for apartments without loggia.</i>	Khung nhôm với kính dán <i>Aluminum-framed laminated glazing</i>	BM Windows
Sàn <i>Floor</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tile</i>	Thiên Tú
Ốp chân tường <i>Skirting</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tile</i>	Thiên Tú
Tường <i>Wall</i>	Trát vữa và sơn hoàn thiện <i>Plaster and paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Trần <i>Ceiling</i>	Sơn hoàn thiện <i>Paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Hệ thống cấp điện <i>Power supply system</i>	Cung cấp công tắc, ổ cắm, đường dây và vị trí chờ để kết nối <i>Switch, socket, connection point provided.</i>	Công tắc, ổ cắm: Hager <i>Switch, socket: Hager</i>
Thông tin liên lạc và truyền hình cáp <i>Telecommunication and Television system</i>	Ổ cắm cáp tivi, ổ cắm cáp mạng Internet, ổ cắm cáp điện thoại <i>TV cable socket, Internet socket, Telephone socket</i>	Công tắc, ổ cắm: Hager <i>Switch, socket: Hager</i>
Hệ thống máy lạnh <i>Air conditioning system</i>	Cung cấp đường ống đồng, đường ống nước ngưng và nguồn điện <i>Provide copper pipe, condensation pipe and power supply</i>	Ống đồng: Armour <i>Copper pipe: Armour</i>
LÔ GIA (nếu có tùy theo thiết kế từng căn hộ)/ LOGGIA (if any as designed of each apartment)		
Sàn <i>Floor</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain Tile</i>	Thiên Tú
Ốp chân tường <i>Skirting</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain Tile</i>	Thiên Tú
Tường <i>Wall</i>	Trát vữa và sơn hoàn thiện <i>Plaster and paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Trần <i>Ceiling</i>	Sơn hoàn thiện <i>Paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
BẾP/ KITCHEN		

Hạng mục/ <i>Items</i>	Vật Liệu/Mô tả <i>Material/Descriptions</i>	Thương hiệu/ <i>Brand</i>
Cửa đi ra sân phơi <i>Entrance door for dry yard</i>	Cửa nhôm kính <i>Aluminum-framed glazing door</i>	BM Windows
Sàn <i>Floor</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tile</i>	Thiên Tú
Ốp chân tường <i>Skirting</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tile</i>	Thiên Tú
Tường <i>Wall</i>	Trát vữa và sơn hoàn thiện <i>Plaster with paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
	Mặt tường khu bếp: ốp gạch Porcelain <i>Kitchen counter top wall: porcelain tile</i>	Thiên Tú
Trần <i>Ceiling</i>	Hệ thống trần thạch cao khung chìm và sơn hoàn thiện <i>Gypsum board with concealed ceiling system with paint finish</i>	Trần thạch cao: Vĩnh Tường <i>Gypsum board: Vinh Tuong</i>
Hệ thống cấp điện <i>Power supply system</i>	Cung cấp công tắc, ổ cắm, đường dây và vị trí chờ để kết nối. <i>Switch, socket, connection point provided.</i>	Công tắc, ổ cắm: Hager <i>Switch, socket: Hager</i>
Thiết bị nhà bếp <i>Kitchen equipment</i>	1 bộ tủ bếp bằng MDF chống ẩm: - Cánh tủ: hoàn thiện bề mặt ngoài bằng acrylic, hoàn thiện bề mặt trong bằng melamine; - Thùng: hoàn thiện bề mặt bằng melamine. <i>1 set of moisture resistance MDF top and bottom kitchen cabinets:</i> - <i>Leaf door: outside finished by acrylic, inside finished by melamine;</i> - <i>The carcass finished by melamine.</i>	Vật liệu: An Cường <i>Material: An Cuong</i>
	Mặt bếp hoàn thiện bằng đá granite <i>Granite stone kitchen counter top</i>	
	1 bồn rửa chén với vòi lạnh <i>1 sink with cold water tap</i>	Hafele
	1 bộ bếp từ và máy hút mùi <i>1 set of induction hob and hood</i>	Hafele
PHÒNG TẮM/ <i>BATHROOM</i>		

Hạng mục/ <i>Items</i>	Vật Liệu/Mô tả <i>Material/Descriptions</i>	Thương hiệu/ <i>Brand</i>
Cửa đi vào phòng tắm <i>Entrance door for bathroom</i>	Cửa vân gỗ chất liệu nhựa ABS <i>Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) plastic door</i>	Sunwood
Cửa sổ phòng tắm (nếu có tùy theo thiết kế từng căn hộ) <i>Window in bathroom (if any)</i>	Cửa kính khung nhôm <i>Aluminum framed glazing window</i>	BM Windows
Sàn <i>Floor</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain Tile</i>	Thiên Tú
Tường <i>Wall</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain Tile</i>	Thiên Tú
Trần <i>Ceiling</i>	Hệ thống trần thạch cao chống ẩm khung chìm và sơn hoàn thiện <i>Moisture resistance gypsum board with concealed ceiling system and paint finish</i>	Trần thạch cao: Vĩnh Tường - Gyproc Sơn: Nippon <i>Gypsum board: Vinh Tuong - Gyproc Paint: Nippon</i>
Hệ thống cấp điện <i>Power supply system</i>	Phòng tắm chung: Cung cấp công tắc, đường dây chờ kết nối. <i>Common Bathroom: Switch, connection point provided.</i> Phòng tắm riêng: Cung cấp công tắc, ổ cắm, đường dây chờ kết nối. <i>Master Bathroom: Switch, socket, connection point provided.</i>	Công tắc, ổ cắm: Hager <i>Switch, socket: Hager</i>
Quạt hút cho nhà vệ sinh (chỉ cung cấp đối với phòng tắm không có cửa sổ) <i>Ventilation fan (for bathroom without window)</i>		DLK
Thiết bị vệ sinh/ <i>Sanitary wares</i>	1 bồn cầu và 1 vòi rửa cho mỗi nhà vệ sinh <i>1 water closet and 1 bidet spray for each restroom</i>	Rigel

Hạng mục/Items	Vật Liệu/Mô tả Material/Descriptions	Thương hiệu/Brand
Thiết bị vệ sinh/ Sanitary wares	Phòng tắm đứng với bộ vòi sen tay, bát sen tắm nóng lạnh cho phòng tắm chính Phòng tắm đứng với bộ vòi sen tay nóng lạnh cho phòng tắm chung <i>Standing shower with mixer and head-shower, hand-shower completed for Master bathroom</i> <i>Standing shower with mixer and hand-shower completed for common bathroom</i>	Rigel
	Vách kính phòng tắm cường lực dày 10mm với phụ kiện inox hoàn chỉnh <i>10mm thick tempered glass shower screen with full accessories</i>	BM Windows
	1 chậu rửa với vòi nóng lạnh cho mỗi phòng tắm <i>1 washing basin with mixer tap for each bathroom</i>	Rigel
	1 kệ tủ bằng tấm WPB phủ lớp melamine cho phòng tắm chính <i>1 water proof board (WPB) cabinet melamine finished for Master bathroom</i>	Vật liệu: An Cường Material: An Cuong
	1 gương soi cho mỗi phòng tắm <i>1 mirror for each bathroom</i>	Hoàng Thiên
	1 giá treo khăn, 1 giá treo giấy vệ sinh cho mỗi phòng tắm <i>1 towel rail, 1 toilet paper holder for each bathroom</i>	Rigel
PHÒNG NGỦ / BEDROOM		
Cửa đi <i>Door</i>	Cửa chất liệu nhựa ABS <i>Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) plastic door</i>	Sunwood
Cửa sổ phòng ngủ (kích thước cửa tùy theo thiết kế căn hộ) <i>Window in bedroom (the size of window depends on the design of apartment)</i>	Cửa kính khung nhôm <i>Aluminum-framed glazing window</i>	BM Windows
Sàn <i>Floor</i>	Sàn lát gỗ công nghiệp <i>Laminate flooring</i>	Dongwha
Óp chân tường <i>Skirting</i>	Nẹp gỗ công nghiệp <i>Laminate skirting</i>	Dongwha

Hạng mục/ <i>Items</i>	Vật Liệu/Mô tả <i>Material/Descriptions</i>	Thương hiệu/ <i>Brand</i>
Tường <i>Wall</i>	Trát vữa và sơn hoàn thiện <i>Plaster and paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Trần <i>Ceiling</i>	Sơn hoàn thiện <i>Paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Hệ thống cấp điện <i>Power supply system</i>	Cung cấp công tắc, ổ cắm, đường dây chờ kết nối <i>Switch, socket connection point provided.</i>	Công tắc, ổ cắm: Hager <i>Switch, socket: Hager</i>
Thông tin liên lạc và truyền hình cáp <i>Telecommunication and Television system</i>	Ổ cắm cáp tivi, ổ cắm cáp mạng Internet <i>TV cable socket, Internet socket</i>	Hager
Hệ thống máy lạnh <i>Air conditioning system</i>	Cung cấp đường ống đồng, đường ống nước ngưng và nguồn điện <i>Provide copper pipe, condensation pipe and power supply</i>	Ống đồng: Armour <i>Copper pipe: Armour</i>
SÂN PHƠI / DRY YARD		
Sàn <i>Floor</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain Tile</i>	Thiên Tú
Ốp chân tường <i>Skirting</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain Tile</i>	Thiên Tú
Tường <i>Wall</i>	Trát vữa và sơn hoàn thiện <i>Plaster and paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Trần <i>Ceiling</i>	Sơn hoàn thiện <i>Paint finish</i>	Sơn: Nippon <i>Paint: Nippon</i>
Hệ thống cấp điện <i>Power supply system</i>	Cung cấp ổ cắm, công tắc, đường dây và vị trí chờ kết nối <i>Socket, switch, connection point provided.</i>	Ổ cắm: Hager <i>Socket: Hager</i>